

孛喃

# Chữ Nôm and Vietnamese folk poetry

Ngô Thanh Nhân, NYU CIMS

February 18, 2005

*Center for Vietnamese Philosophy, Culture, and Society*

Gladfelter Hall, Temple University

Philadelphia, Pennsylvania

# 嗛 啞 朝 ▪ Mời ăn trâu

菓 棹 儒 狎 呶 朝 灰

Quả cau nho nhỏ miếng trâu hôi

尼 貼 舂 香 買 挾 耒

Này của Xuân Hương mới quệt rồi

固 沛 緣 饒 辰 繡 吏

Có phải duyên nhau thì thăm lại

停 撐 如 蘿 泊 如 碇

Đừng xanh như lá bạc như vôi.

# 峒巴隊 ■ Đèo Ba Dội

沒峒<sup>1</sup>沒峒 吏沒峒 峒  
擘埃窖鑿景招撩  
靨輪霽列尋筭篋  
坳矜撐萸頓噴蒼  
揲潦梗松<sup>2</sup>干遷禿  
潭漚蘿柳淡霜招  
賢人君子埃齶拯  
痲躄瘳躑吻憫蹠<sup>3</sup>

Một đèo, một đèo, lại một đèo,  
Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo,  
Cửa son đỏ loét tùm hum nóc,  
Hòn đá xanh rì lún phún rêu.  
Lát lẻo cành thông con gió thóc,  
Đầm đìa lá liễu giọt sương gieo.  
Hiền nhân, quân tử ai mà chẳng...  
Mỏi gối, chồn chân vẫn muốn trèo.

—— *alternative spellings:* <sup>1</sup>峒, 嶂 <sup>2</sup>桶, 槓 <sup>3</sup>蹠

# Spring Essence

- The selection I chose for today come from *Spring Essence: The poetry of Hồ Xuân Hương*, translated by John Balaban, published by Copper Canyon Press, 2000.
- The poetry book is printed in three scripts: 𠄎 喃 chử Nôm (ideographic), chử quốc ngữ (latin-based) and English.
- The first True Type 𠄎 喃 chử Nôm font is used to print her poems.

# Hồ Xuân Hương

- Hồ Xuân Hương is known as “the Queen of Nôm poetry”.
- Not much is known about her life. She is known by her poetry.
- Scholars agree she was from Quỳnh Đôi Village, Quỳnh Lưu District, Nghệ An Province. She was born between 1775 and 1780 and died in the early 1820’s.
- She spent many years in Hanoi.

# 詠 豁 割 據 ■ Vịnh hang Các có

坳 坦 生 罌 砣 没 坳  
堍<sup>1</sup> 夕 叵 牯 吼 函 歆  
技 垲 蔡 木 諸 喧 呶  
箆 邇 椿 嘹 撫 佛 吼  
淡 渌 有 情 涑 灑 泮  
昆 塘 無 岸 最 音 音  
喙 埃 擱 砣 才 穿 鑿  
窄 啣 馨 罌 斲 几 旺

Trời đất sinh ra đá một chòm  
Nứt làm hai mảnh hỏm hòm hom  
Kẽ hàm râu mọc trơ toen miệng  
Luồng gió thông reo vô phập phòm  
Giọt nước hữu tình rơi lồm bồm  
Con đường vô ngần tối om om  
Khen ai đẽo đá tài xuyên tạc  
Khéo hỏ hang ra lắm kẻ nhòm.

# Vietnamese

- Vietnamese is a tonal, monosyllabic language, belonging to the Austro-Asiatic Mon-Khmer language subgroup.
- Each *tiếng* (syllable) has 6 tones (itches):

high	<i>la</i> “yell”	<i>lả</i> “tired”	<i>lá</i> “leaf”
low	<i>là</i> “be; iron”	<i>lã</i> “insipid”	<i>lạ</i> “strange”

- Each *tiếng* consists of an onset *l-* and a rhyme *-a*. This property is used in *nói lái* [rhyme switching].
- Tones in poetry are regulated.

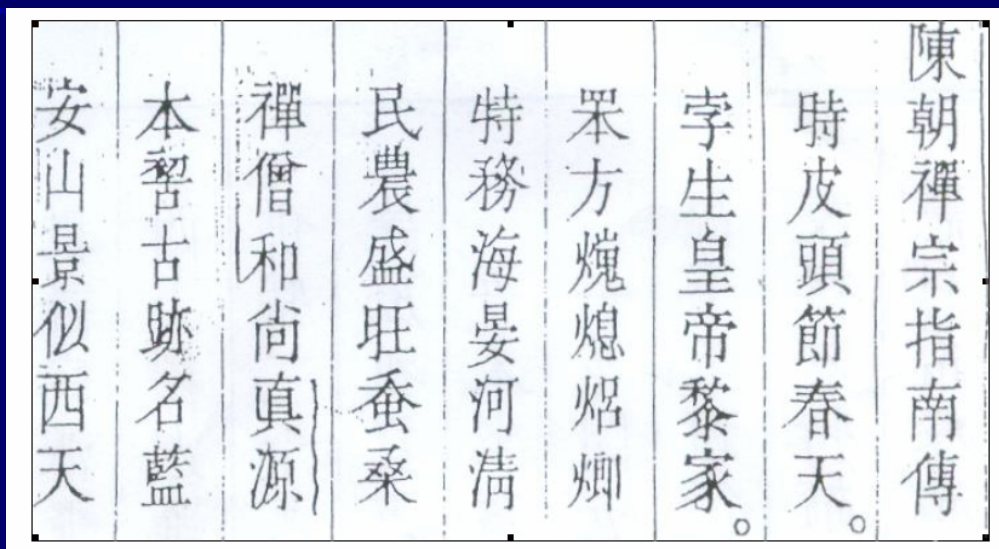
# 𠄎喃 — chũ Nôm

- Vietnamese has two ways to write the same sound: 𠄎喃 chũ Nôm, and chữ quốc ngữ.
- 𠄎喃 chũ Nôm is the national ideographic script used in Vietnam since the Xth Century. Some scholars think it may even be much earlier.
- 𠄎喃 chũ Nôm is an ideographic script. Each word is a syllable. Each syllable is written in an imaginary square.
- 𠄎喃 chũ Nôm was replaced by a latin script called chữ quốc ngữ after the 1920's.

# Preservation of 𡗗喃 chữ Nôm

- Hồ Xuân Hương wrote her poetry in 𡗗喃 chữ Nôm.
- Recovering 𡗗喃 chữ Nôm, we can begin to recover a monumental amount of philosophical, literary, family, village, historical, medical, geographical... records now being threatened with destruction.
- Over the past 12 years, we have registered 9,299 𡗗喃 chữ Nôm with the multilingual Unicode & ISO/IEC 10646 standards now used on the world wide web.
- We have “carved” 𡗗喃 chữ Nôm to reproduce *Giúp đọc Nôm và Hán Việt* by Father Anthony Trần Văn Kiệm, a dictionary published in 2004.

# Type 禪宗本行 *Thiền tông bản hạnh*



We used the font type in the famous sutra called 禪宗本行 *Thiền tông bản hạnh* to “carve” 17,673 字喃 chữ Nôm in the Vietnamese 宋 Tống thể (Sung) style, usable on the internet.

# Tomorrow

- A five-year plan to create a Vietnamese National Heritage Archive on the web of the most famous Vietnamese Nôm documents.
- 2005: 12 versions of *The Tale of Kiều* on the web for text comparison and searching.
- 2006: *Đại Việt sử ký toàn thư* on the web...
- 2007: *Cung oán ngâm khúc*, *Lục Vân Tiên*,...
- The target is to be able to use a web search engine, like *google*, anywhere in the world.

# The instruments

- 彈箏 **Đàn Tranh** is a Vietnamese 16-string zither, arranged in 3 octaves. Each octave has 5 strings, in a pentatonic scale. There are many pentatonic scales in Vietnam. This scale, G, A, C, D, E, is called *cung bắc*—the northern scale. Hồ Xuân Hương was from Hanoi, so we will use *cung bắc* today.
- 槩 **Mõ** is a wooden fish, used mostly in pagodas for prayers and chants.
- 鐺 **Chuông** is a buddhist bell. It accompanies *mõ* 槩 in prayers and chants.

# 叙情詩 ▪ Tự tình thơ

啣	鶉	嗃	唳	嘅	蓮	啣	Tiếng gà xao xác gáy trên bom
怨	恨	曠	畱	泣	每	筌	Oán hận trông ra khắp mọi chòm
楸	慘	空	摳	漚	拱	谷	Mỡ thấm không khua mà cũng cóc
鐘	愁	拯	打	攙	鞞	喑	Chuông sậu chẳng đánh có sao om
耄	暄	仍	啣	添	油	忙	Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ
斲	懶	為	緣	底	嚶	瞶	Sau giận vì duyên để mồm mòm
才	子	文	人	埃	妬 <sup>1</sup>	佐	Tài tử văn nhân ai đó tá
身	尼	屯	罕	貂	赭 <sup>2</sup>	悻 <sup>2</sup>	Thân này đã hản chịu già hom.

<sup>1</sup>妬 <sup>2</sup>悻, 歆

# 叙情 ▪ Tự tình

黏 麝 咏 咏 黻 更 拊  
猪 丐 红 颜 买 浩 蕪  
礮 醜 香 迢 醮 更 醒  
暈 膝 膝 熾 缺 諸 踰  
扞 昂 榘 坦 諒 曾 玷  
抗 襍 躑 霽 砣 余 坎  
嘑 餒 春 矜 春 吏 吏  
牘 情 删 扞 矜 隄 隄

Đêm khuya vắng vắng trông canh dòn,  
Trơ cái hồng nhan với nước non  
Chén rượu hương đưa, say lại tỉnh,  
Vầng trăng bóng xế, khuyết chưa tròn.  
Xuyên ngang mặt đất, rêu từng đám,  
Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.  
Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,  
Mảnh tình san sẻ tí con con.

# 裊 燿 終 ▪ Lây chông chung

胡	吒	丐	劫	裊	燿	終	Chém cha cái kiếp lây chông chung
几	搭	禱	蕪	几	泠	滢	Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lòng
齏	時	迥	禍	咍	庄	冼	Năm thì mười họa chẳng hay chớ
没	躺	堆	吝	固	拱	空	Một tháng đôi lần có cũng không
故	擦	按	欸	欸	吏	吼	Có bằm ăn xôi xôi lại hỏng
拈	朋	夕	攪	攪	空	功	Cầm bằng làm mượn mượn không công
身	尼	嚙	別	羨	尼	咿	Thân này ví biết đường này nhỉ
他	翫	催	停	於	丕	衝	Thà trước thôi đành ở vậy xong.

# Gió đưa bụi chuối sau hè

*Gió đưa bụi chuối sau hè.  
Anh mê vợ bé bỏ bè con thơ.  
Con thơ tay ẳm, tay bông,  
Tay nào xách nước, tay nào vo cơm.*

(Ca dao)

# Thân em lầy lẽ

*Thân em lầy lẽ chả hề,  
Có như chính thất mà lê giữa giường.  
Tối tối chị giữ mát buồng,  
Cho em manh chiếu, nằm sông nhà ngoài,  
Sáng sáng chị gọi: Ở hai!  
Bây giờ trở dậy, thái khoai, đâm bèo,  
Vì chưng bác mẹ tôi nghèo,  
Cho nên tôi phải đâm bèo, thái khoai!*

(Ca dao)

# 緹 緻 ▪ Dệt cử

熔	院	焮	蓮	甌	鼎	拋	Thấp ngọn đèn lên thấy trắng phau;
琨	鶩	𦵏 <sup>1</sup>	檣	摔	臄	輪	Con cò mấp máy suốt đêm thâu.
台	躑	踏	鼃	能	能	找	Hai chân đạp xuống năng năng nhắc,
沒	榨 <sup>2</sup>	挽	昂	適	適	毛	Một suốt đêm ngang thích thích mau.
黼	狹	𦵏	蘇	披	紊	奇	Rộng, hẹp, nhỏ, to vừa vắn cả,
𦵏 <sup>3</sup>	𦵏	困	苦	沕	如	饒	Ngắn, dài, khuôn khổ vẫn như nhau.
姑	市	憫	卒	吟	朱	技	Cô nào muốn tốt ngâm cho kỹ,
除	旦	𦵏	秋	買	爇	牟	Chờ đến ba thu mới dãi màu.

<sup>1</sup>扱, 极 <sup>2</sup>摔 <sup>3</sup>𦵏

# 詠蹠櫛 ▪ Vịnh leo đu

僂	櫛	啣	埃	窞	窞	橈	Tám cột khen ai khéo khéo trông
得	辰	蓮	打	几	魁	曉	Người thì lên đánh kẻ ngồi trông
耒	踰 <sup>1</sup>	躓	鶴	堪	堪	脍	Trai du gói hạc khom khom cật
媯	挽	駿	螭 <sup>2</sup>	嚳	嚳	悉	Gái uôn lưng ong ngựa ngựa lòng
罽	牖	裙	紅	鸞	法	派	Bốn mảnh quần hồng bay pháp phối
台	行	躓	玉	躓	雙	雙	Hai hàng chân ngọc ruồi song song
遡	春	色	別	春	庄	佐	Chơi xuân đã biết xuân chẳng tá
櫛	擗	趨	耒	魯	補	空	Cột nhỏ đi rồi lỗ bỏ không.

<sup>1</sup>踰 <sup>2</sup>螭

# 詠 缺 ▪ Vịnh quạt

迺 鬻 台 羅 迺 彥 低  
朱 英 要 躑 庄 涑 舛  
蒙 駘 澄 意 程 邑 觴  
黻 狹 樣 帟 攢 沒 椶  
強 爨 包 饒 辰 強 沫  
要 店 諸 斐 吏 要 暘<sup>1</sup>  
紅 紅 鴈 粉 緣 為 悵<sup>1</sup>  
主 躑 希 要 沒 丐 尼

Mười bảy hay là mười tám đây  
Cho anh yêu dấu chẳng rời tay  
Mỏng dầy chừng ấy chành ba góc  
Rộng hẹp dường nào cảm một cây  
Càng nóng bao nhiêu thời càng mát  
Yêu đêm chưa phỉ lại yêu ngày  
Hồng hồng má phấn duyên vì cậy  
Chúa dẫu vua yêu một cái này.

# 詠厨鎮國 ■ Vịnh chùa Trấn Quốc

鎮 北 行 宮 鞞 爇 油  
慟 念 故 國 擬 齋 疔  
沒 座 蓮 鎖 唏 香 御  
觚 式 蓮 封 攝 襖 朝  
泝 泣 廢 興 曉 沕 隨  
鐘 回 今 古 聊 強<sup>1</sup>毛  
得 習 景 麟 兜 兜 佐  
窄 謹 魚 台 屢 濁 頭

Trấn Bắc hành cung cỏ dãi dầu  
Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau  
Một tòa sen tỏa hơi hương ngự  
Năm thức mây phong nếp áo châu  
Sóng lớp phé hưng coi vẫn dộn  
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau  
Người xưa cảnh cũ đâu đâu tá  
Khéo ngẩn ngo thay lũ trọc đầu.

<sup>1</sup>強

# 詠 妮 師 ▪ Vịnh ni sư

出	世	紅	顏	計	拱	翹	Xuất thế hồng nhan kẻ cũng nhiều
論	綏	夫	婦	余	羅	驕 <sup>1</sup>	Lộn vòng phu phụ mấy là kiêu
棍	神	地	藏	欺	擗	掾	Gậy thần Địa Tạng khi chèo chống
長	曷	彌	陀	底	點	扞	Tràng hạt Di Đà để đếm đeo
憫	孕	楮	帆	迎	變	覺	Muốn dựng cột buồm sang bên giác
悖	雫	泝	奇	論	縵	繚	Sợ cơn sóng cả lộn dây lèo
啗	埃	菓	福	罄	修	特	Ví ai quả phúc mà tu được
拱	篤	沒	恣	底	固	蹻	Cũng dốc một lòng để có theo...

# 即景 ▪ Túc cảnh

濕妬撐鼻觶鯉鯉鍾殃  
洗埃菩撮牧漁埃埒  
頭驢古長叨扛組鐘  
崇特樹江陵邊沒  
頓景嶙滂沔壘邊沒  
噴蕭嶼朗曠平箕禡  
湄踈傘詞野沙佐詩

Thấp thoáng đầu ghênh lún phún mưa  
Đồ ai vẽ đượ cảnh tiêu sơ  
Xanh om cỏ thụ chon von tán  
Trắng toát tràng giang phẳng lặng tờ  
Còi mục thét lừng miền khoáng dã  
Lưới ngư giang gió bãi bình sa  
Chuông ai đất nổi bên kia tá  
Ương lở chung tình một túi thơ.

# 檯看春 ▪ Đài khán xuân

淹 <sup>1</sup>	愛	霸 <sup>2</sup>	春	細	看	檯	Êm ái, chiều xuân tới khán đài
凌	凌	庄	泮	𡵓	塵	埃	Lâng lâng chẳng bợn chút trần ai.
巴	回	招	暮	鍾	吟	泝	Ba hồi chiêu mộ chuông gâm sóng.
没	泝	桑	滄	渚	論	歪	Một vũng tang thương nước lộn trời.
波	愛	豸	重	坤	撒	泝	Bê ái ngàn trùng khôn tát cạn.
源	恩	闈	丈	裊	攔 <sup>3</sup>	漚	Nguồn ân muôn trượng dễ khơi vơi.
闈	闈	極	樂	羅	兜	佐	Nào nào cực lạc là đâu tá ?
極	樂	羅	低	尫	爨	迮	Cực lạc là đây, chín rỗ mười.

<sup>1</sup>媵 <sup>2</sup>霸,朝 <sup>3</sup>濶

# Ca dao

- I would like to introduce a very small sample of ca dao – or folk poetry from the south, excerpted from *Ca dao Việt Nam – Vietnamese Folk Poetry*, translated by John Balaban, Copper Canyon Press 2003.
- Ca dao is oral poetry, sung rather than read—sometimes called “cantillation” with unfixed melodies.

# Lý con sáo

*Ai đem con sáo sang sông,  
Để cho con sáo sổ lồng bay xa !*

Who brought the starling across the river  
It broke the cage and flew far...away

# Sông Sài Gòn

*Sông Sài Gòn chảy dài Chợ Cũ,  
Nước mênh mông nước đổ phù sa  
Ngọt ngào ngọn lúa bát ngát hương (thơm)  
Hương lúa của quê nhà (hò hò)  
Hương về quê mẹ đậm đà tình thương.*

# Ví dụ

*Ví dụ câu ván đóng đinh  
Cầu tre lắc lẻo gập ghình khó đi  
Khó đi, khó đẩy; về rẫy ăn công,  
Về sông ăn cá, về giồng ăn dưa.*

# Bước xuống ruộng sâu

*Bước xuống ruộng sâu man sâu tác dạ*

*Tay ôm bó mạ nước mắt hai hàng*

*Ai làm lỗ chuyén ðò ngang*

*Cho sông cạn nước, ðôi ðàng biệt ly.*

# Nhiều điều phủ lấy giá gương

*Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa*

*Miệng nhai cơm trắng lười lừa cá xương*

*Nhiều điều phủ lấy giá gương*

*Người trong một nước phải thương nhau cùng.*

Thank you very much.